

Nguồn vốn con người và cải cách giáo dục Việt Nam: định hình triết lý giáo dục Việt Nam

Nguyễn Mạnh Cường

Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội

Bài nghiên cứu cho rằng cải cách giáo dục Việt Nam đang trong quá trình định hình triết lý giáo dục. Một triết lý giáo dục mới không chỉ đơn thuần là sự lựa chọn một chiều, mà là sự kết hợp có chọn lọc của truyền thống giáo dục Việt Nam với các tinh hoa giáo dục thế giới như giáo dục khai phóng, giáo dục thực hành, dân chủ hóa trong giáo dục... nhằm tạo ra một thể hệ mới của các công dân tự do, suy nghĩ độc lập, phản biện thúc đẩy sự thay đổi xã hội và dân chủ hóa xã hội, trên cơ sở các truyền thống văn hóa và đạo đức dân tộc.

1. Mở đầu

Giáo dục luôn là một nỗi lo thường trực của tất cả mọi người, của mọi gia đình cũng như của tất cả các triều đại phong kiến trong lịch sử Việt Nam. Giáo dục là thước đo sự phát triển của một quốc gia. Nó cũng đồng thời phản ánh hệ tư tưởng của hệ thống chính trị và chính là nền tảng quan trọng trước khi mỗi công dân phát triển trách nhiệm nghĩa vụ của bản thân, đạo đức, kỹ năng và tri thức. Tuy nhiên, nền giáo dục của Việt Nam hiện nay còn tồn tại nhiều mặt hạn chế có thể kể đến như: bằng cấp giá, gian lận trong thi cử, kỹ năng đào tạo còn yếu... kém cũng như các chính sách thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực còn nghèo nàn. Tất cả chúng đều trở thành rào cản của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói sau Cách mạng tháng Tám năm 1945: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ". Ngày đầu tiên của năm học, ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi bức thư tới Bộ Giáo dục và Đào tạo với nội dung như sau: "Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ sở mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Triết lý giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ yếu chính là sự kết thừa những tư tưởng của nền giáo dục cổ truyền và đồng thời áp dụng hệ tư tưởng phù hợp cho việc hội nhập với thế giới

2. Những hạn chế của nền giáo dục Việt Nam

Điều đầu tiên, nền giáo dục Việt Nam là một nền giáo dục chưa hiệu quả với chất lượng còn thấp, đặc biệt là giáo dục đại học và giáo dục nghề. Đơn cử như việc, Việt Nam có hơn 9.000 giáo sư, 24.000 tiến sĩ và 100.000 thạc sỹ nhưng việc xuất bản các công trình nghiên cứu, tài liệu mang tầm cỡ quốc tế thì lại rất hạn chế. Tổng số công trình nghiên cứu trong giai đoạn 1996 - 2001 chỉ có 13.172. Con số này chỉ bằng 1/5 số công trình của Thái Lan (69.637 công trình), chỉ bằng 1/6 số công trình của Malaysia (75.530 công trình), và chỉ bằng 1/10 số công trình của Singapore (126.881 công trình). Mặc dù, dân số của Việt Nam thì gấp 17 lần dân số của Singapore, gấp ba lần dân số của Malaysia và gấp 1,5 lần dân số của Thái Lan. Ngoài sự hạn chế trong các công trình nghiên cứu, các chỉ số về học sinh trường của các công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam cũng là thấp nhất trong khu vực.

Thứ nhất, giáo dục là tiêu chuẩn cho chỉ số cạnh tranh của một quốc gia. Tuy nhiên, theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới về "Chỉ số cạnh tranh năm 2017-2018", mức độ hiệu quả của nền giáo dục Việt Nam chỉ đứng thứ 84/138 quốc gia trên thế giới là nhân tố giảm khả năng cạnh tranh của Việt nam 2017-2018 (Việt Nam xếp 55 trên 137 nước).

Thứ hai, nghiệp pháp cũng như nội dung giảng dạy còn tồn tại nhiều hạn chế: i) Việc đào tạo kỹ năng mềm chưa được chú trọng; ii) Giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, công ty và thị trường lao động; iii) Các bài thi, kiểm tra đều không thực tiễn và đi ngược lại so với thế giới; iv) Giáo dục còn thiên về lý thuyết hơn thực hành.

Hệ quả của tất cả những điều trên là đào tạo nghề đạt 40%, tương đương 23,5 triệu người vào năm 2015 (trong đó trình độ TCN, CDN chiếm tỷ lệ 20%, dự kiến 55% vào năm 2020, tương đương 34,4 triệu người (trong:

đó trình độ TCN, CDN chiếm tỷ lệ là 23%), các công ty đào tạo lại số sinh viên đã tuyển dụng và mất rất nhiều thời gian để đào sinh viên mới tới nghiệp. Thời gian đào tạo thông thường kéo dài từ một đến hai năm. 37% sinh viên làm được việc làm lại không thể đáp ứng được yêu cầu công việc. Nhìn chung, chất lượng của nguồn nhân lực còn thấp. Đồng thời, số lượng sinh viên đại học cũng tăng trong suốt thời gian đó nhưng chất lượng đào tạo vẫn còn thấp và chưa đáp ứng được nhu cầu của lực lượng lao động. Còn rất nhiều sinh viên ra trường đang trong tình trạng thất nghiệp.

Thứ ba, việc quản lý giáo dục đào tạo còn nhiều lỏng lẻo trên các khía cạnh sau:

- Chất lượng cũng như số lượng của đội ngũ giảng dạy còn thấp. Nhiều giáo viên và giáo sư chưa đáp ứng được nhu cầu của việc giảng dạy - đào tạo và có những vi phạm đạo đức nghề nghiệp

- Chưa có sự hợp tác phối hợp giữa các cấp giáo dục
- Khung chính sách hỗ trợ và tài chính cho giáo dục chưa tương xứng. Cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục tại nhiều khu vực, vùng miền còn lạc hậu

- Mức độ gian lận trong thi cử còn ở mức cao. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước. học sinh, sinh viên còn thụ động, thiếu sự sáng tạo và tiến bộ.

3. Sự kế thừa các truyền thống giáo dục của Việt Nam

Đầu tiên, việc học tập suốt đời là một truyền thống của dân tộc Việt Nam. Nghề nhà giáo luôn có được địa vị rất cao trong xã hội. Người người đều luôn kính trọng những gia đình có con cái đỗ đạt cao. Người dân Việt Nam luôn mang trong mình khả năng tự học, vượt khó rất tốt để theo đuổi con đường học vấn cao hơn. Đó đã trở thành một truyền thống bất rớt từ xa xưa trong lịch sử dân tộc và trở thành một phần trong phong cách sống của mọi gia đình và của cả cộng đồng.

Thứ hai, đào tạo nhân tài luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhà nước từ thời phong kiến cho đến nay. Hệ thống giáo dục thời phong kiến luôn đặt lễ giáo, lối sống và chuẩn mực lên hàng đầu khi đào tạo nhân tài. Các quy tắc đạo đức được thực hiện rất khắt khe dưới thời phong kiến và điều đó cũng giúp Nhà nước đào tạo các quan lại đại thần thời bấy giờ.

Thứ ba, người Việt Nam có một khả năng học hỏi tốt từ các nền văn hóa lớn và từ các quốc gia khác nhau. Thời kỳ phong kiến có thể kể đến như triều đại nhà Đinh (968-980), nhà Tiền Lê (980-1009), nhà Lý (1009-1225), nhà Trần (1226-1400),... đều lấy Phật giáo là quốc giáo của đất nước. Rất nhiều vị cao tăng đã trở thành những người cố vấn cho vua qua từng triều đại từ cả địa phương lẫn trung ương.

Thứ tư, tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh về nền giáo dục cũng đồng thời chỉ ra rằng: giáo dục phải được đặt lên hàng đầu trong công cuộc Cách mạng năm

1945: (1) Xóa nạn mù chữ: chỉ sau 6 tháng, đất nước Việt Nam đã xóa bỏ được 95% nạn mù chữ. (2) Công dân đều có học thức và có trách nhiệm. (3) Chiến dịch phổ cập hệ tư tưởng: Học tập để phục vụ nhân dân, để phục vụ Tổ quốc (4) Tuyển dụng nhân tài để làm việc trong các cơ quan và chính phủ nhằm mục đích phục vụ người dân. Thực hiện các chính sách để hỗ trợ những nhân tài phục vụ cho đất nước và đẩy chính là chìa khóa thành công của một quốc gia.

Thứ năm, truyền thống giáo dục tập trung vào học hỏi những bài học từ các quốc gia khác. Theo như chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói, có rất nhiều những nhà triết học mà hệ tư tưởng của họ về giáo dục rất khác nhau. Tuy nhiên hệ tư tưởng chủ yếu là giáo dục là để mang lại hạnh phúc cho con người và giáo dục mang lại công bằng và bình đẳng cho xã hội. Học tập chính là quá trình tự học hỏi tìm tòi và học tập là để phục vụ cho nhân dân.3-

4. Ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo trong nền giáo dục của Việt Nam

Triết học giáo dục Nho giáo vẫn còn tồn tại trong tâm của người dân Việt Nam và Trung Quốc. Những hình ảnh của ông về người thầy vị đại nhất mọi thời đại, nhà triết học vị đại nhất trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam và tầm ảnh hưởng của ông đối với tương lai và 2.000 năm qua của nền văn minh Việt Nam đã khiến tư tưởng của ông trở thành tinh hoa trong nền văn hóa của Việt Nam.

Ông ấy cũng luôn khuyến khích các học trò của mình khám phá những điều mới mẻ để học tập nhưng mục đích của Phương pháp dạy học Nho giáo là ứng dụng thực tiễn và được tạo ra nhằm mục đích giúp con người trau dồi nhân cách và nhân phẩm và có thể là chuẩn bị hành trang cho sự phát triển của xã hội.

Nho giáo tin rằng, bản chất của con người là lương thiện và có thể được mài dũa để có đức hạnh tốt hơn sự giáo dục. Do đó, giáo dục chính là cơ sở cho sự phát triển bền vững của nhân loại. Trẻ nhỏ được dạy về bốn phận chữ hiếu đối với cha mẹ và công đồng để chuẩn bị cho chúng nhận thức được vị trí của bản thân trong các cấp bậc của xã hội cũng như để cư xử đúng mực. Nhưng dũa trẻ được giáo dục tốt sẽ đạt được một địa vị cao hơn trong xã hội.

Tại Hà Nội vào năm 1070, việc xây dựng Văn miếu Quốc Tử Giám - ngôi trường tập trung về giảng dạy Nho giáo, đồng thời là trường đại học đầu tiên của Việt Nam đã đánh dấu sự phát triển của Nho giáo như một đạo giáo. Xu hướng học sự này đã góp phần làm xuất hiện những nét văn hóa truyền thống của Việt Nam từng được gọi là "Quốc gia văn minh", Việt Nam đặc biệt coi trọng những nhân tài và những nhân tài đang được tuyển dụng do họ chính là những tinh tú của Việt Nam.

Phong cách sống của Nho giáo mà những học trò,

giáo viên học theo lý tưởng đó là một quá trình không ngừng về nhận thức của bản thân. Giá trị cốt lõi quan trọng nhất của Nho giáo là việc bảo toàn đầy đủ các lễ nghi chính là bước đầu tiên trong quá cảnh đạt được cảnh giới đạo đức cao hơn. Đó là điều mà người sáng lập ra Nho giáo tin rằng nằm trong nhân tính - giá trị cốt lõi của mỗi con người. Để học theo, sống theo lý tưởng luôn để gia đình trong tâm trí cũng như trái tim chính là cách để vượt lên trên cái tôi cá nhân.

Nho giáo luôn đóng một vai trò rất quan trọng như một biện pháp cứu cánh cho các triều đại phong kiến từ suốt những năm 1070 cho đến hết 1883 (Khi mà Hiệp ước Quý Mùi do triều Đình nhà Nguyễn tại Huế ký kết với Pháp để công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam) qua mọi thăng trầm của lịch sử nước nhà. Truyền thống này gắn liền với việc xây dựng nguồn lực con người tại Việt Nam khi mà mọi bậc sinh thành trên khắp dải Việt Nam nhận định rằng những giá trị đạo đức và giáo dục nhân tài là nền tảng trong công cuộc phát triển con người và xã hội nước Việt Nam.

5. Những đề xuất tái định hình lại triết học giáo dục của Việt Nam

Triết lý giáo dục khai phóng là nền móng của kinh tế, khoa học và công nghệ. Do đó, chúng tôi đề xuất:

Đầu tiên, giáo dục khai phóng là một bước thay đổi lớn trong phương pháp giáo dục: vai trò của học sinh cũng đang được coi trọng bên cạnh vai trò của người giáo viên. Các giáo viên lẫn học sinh đều có thể học tập từ nhau cũng như đào tạo cho nhau. Việc giảng dạy sẽ trở thành như một cuộc trao đổi trò chuyện giữa giáo viên và học sinh. Học sinh sẽ trở thành trung tâm của một lớp học, chúng có thể được tự do bày tỏ quan điểm của mình cho dù nó có đối lập so với giáo viên.

Thứ hai, học tập, đào tạo phải đi đôi với thực hành. Việc giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên là điều quan trọng hơn so với nội dung đào tạo. Học tập là quá trình chủ động của mỗi học sinh cũng như họ phải được quyền quyết định những gì mà họ muốn theo đuổi học.

Thứ ba, giáo dục là để đào tạo lớp lãnh đạo trẻ tuổi phục vụ công cuộc tái cấu trúc của xã hội. Lớp lãnh đạo trẻ kế cận này sẽ có vai trò xây dựng một xã hội bình đẳng và công bằng; họ cũng sẽ giúp giải quyết những thách thức cả về mặt xã hội cũng như kinh tế của đất nước. Các cách xã hội chính là mục tiêu của giáo dục. Được tiếp cận với giáo dục là một trong những quyền lợi cơ bản của một con người, đặc biệt đối với các nhóm nhỏ lẻ bao gồm người nghèo và người dân tộc thiểu số.

Thứ tư, cũng cần thông qua giáo dục cần học tập các trường phái triết học giáo dục về hành vi, nền tảng, và qui chuẩn để sao cho học viên sau khi ra trường có thể hội nhập hoàn toàn với giáo dục thế giới. Như vậy giáo dục mới thúc đẩy được tính quốc tế

hóa ngay tại Việt Nam.

Thứ năm, giáo dục cần phải tuân theo những tiêu chuẩn cơ bản. Mục đích của Giáo dục chính là để giúp học sinh, sinh viên hiểu rõ các nền văn minh trên thế giới. Mọi người đều có khả năng học tập, tiếp thu và chinh phục đỉnh cao tri thức.

Thứ sáu, tư tưởng Nho giáo được coi như một nền móng cho triết học giáo dục của Việt Nam nhằm thúc đẩy những tính cách đặc trưng của học sinh Việt Nam — thứ đã trở thành một “giá trị văn hóa” của tất cả những người dân trên khắp đất nước Việt Nam. Vì thế, cải cách nền giáo dục của Việt Nam cần phải lọc được những giá trị tinh túy đó trong Nho giáo xuyên suốt quá trình phát triển.

6. Kết luận

Bài nghiên cứu trình bày về những hạn chế trong nền giáo dục của Việt Nam có thể kể đến như: chất lượng đào tạo còn thấp, tham nhũng trong cực trong giáo dục và sự xuống cấp đạo đức trong ngành. Truyền thống giáo dục của Việt Nam trải qua hàng nghìn năm vẫn chưa được áp dụng trong thời đại hiện nay. Những truyền thống đó có thể kể đến như: trân trọng vai trò của nhà giáo, các chính sách hỗ trợ trọng dụng người tài, áp dụng những kinh nghiệm quý giá của các nền giáo dục quốc tế, việc thực hành Phạt giáo và tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh vào trong giáo dục. Tất cả những điều kể trên sẽ là nền tảng vững chắc cho quá trình đào tạo lớp trẻ kế cận với tư tưởng tự do./.

Tài liệu tham khảo

Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2018), Báo cáo năng lực cạnh tranh thế giới 2017-2018, Thụy Sĩ.

Hồ Văn Hoàn (2014), “Hiền tài, nhân tài - Chia khóa vàng để phát triển bền vững”, từ website: <http://baodientu.chinhphu.vn/Gop-y-Hien-ke/Hien-tai-nhan-tai-Chia-khoa-vang-de-phat-trien-ben-vung/192453.vgp>

Hoàng Tuy (2014), Kiến nghị về chấn hưng giáo dục, từ website: <http://vietbao.vn/Giao-duc/Kien-nghiv-e-chai-n-hung-giao-duc-cua-GS-Hoang-Tuy/20344262/202/>

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tháng 10/2013

Tổng cục Dạy nghề (2012), Báo cáo Dạy Nghề Việt Nam 2012, Hà nội: Nhà xuất bản Lao động- Xã hội.